

Số: 40/2022/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp
nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao
năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình
quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng
hóa giai đoạn 2021-2030;

Xét Tờ trình số 258/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc
gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-
BKTNS ngày 24 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình Năng suất chất lượng).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan tham gia thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình Năng suất chất lượng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp quản lý của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân khác.

3. Các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mức chi thực hiện Chương trình Năng suất chất lượng

1. Chi thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng

a) Xây dựng chương trình truyền thông về năng suất chất lượng; phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng:

- Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản;

- Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp-phích, băng-rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử): Thực hiện bằng 80% mức chi theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;

- Sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình, chương trình phát thanh: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh và quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình trên địa bàn tỉnh Kiên Giang hiện hành;

- Các nội dung chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân

sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

- Tổ chức các hội nghị tuyên truyền phổ biến, tập huấn kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Tạo lập, duy trì và khai thác phát triển cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn đối sánh, thực hành tốt về năng suất để phục vụ doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu liên quan khác: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chi thực hiện đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng

a) Biên soạn tài liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn về nâng cao năng suất chất lượng: Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

b) Chi tổ chức các khóa đào tạo

Tổ chức các khóa đào tạo đối với chuyên gia năng suất chất lượng, giảng viên năng suất chất lượng, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng; mở rộng đào tạo kiến thức về năng suất chất lượng trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 181/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kiên Giang.

c) Chi thuê chuyên gia, giảng viên trong nước tham gia các khóa đào tạo chuyên gia năng suất chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước; thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo quyết định mức chi trả cụ thể cho chuyên gia trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

3. Chi tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Hỗ trợ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực của địa phương quản lý: Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

4. Chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình Năng suất chất lượng

a) Chi tuyển chọn các nhiệm vụ của Chương trình Năng suất chất lượng; kiểm tra, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ của Chương trình Năng suất chất lượng; tổ chức hội thảo khoa học: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND.

b) Chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất địa phương và doanh nghiệp trong quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; các nhiệm vụ nghiên cứu, triển khai ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND.

c) Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình Năng suất chất lượng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND.

d) Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc) phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Chương trình Năng suất chất lượng: Thực hiện thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

đ) Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích cao trong hoạt động nâng cao năng suất chất lượng: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

e) Chi các hoạt động hợp tác quốc tế về năng suất chất lượng: Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012

của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; Nghị quyết số 228/2019/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Kiên Giang và chế độ tiếp khách trong nước.

5. Chi hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh; tham gia các chương trình đào tạo của quốc tế

a) Các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện của Kế hoạch thực hiện Chương trình Năng suất chất lượng quốc gia trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được hỗ trợ các nội dung sau:

- Áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù của ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý mới được công bố;

- Áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh;

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp;

- Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

b) Nhiệm vụ hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 5 Điều này được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND và theo các quy định hiện hành về chế độ, định mức chi tiêu ngân sách nhà nước; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức Năng suất Châu Á và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 88/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế tài chính thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Mười Bốn thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2023.

Nơi nhận :

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trang hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh